TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2025/DS-ST
Ngày: 20/6/2025
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng và cầm cố tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh.

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong ngày 20/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 04 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng và cầm cố tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2025/QĐXXST-DS, ngày 20/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 185/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K;

Địa chỉ: Số 40-42-44, đường Phạm Hồng Th, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền của ông M: Ông Lê Trung V – Chức vụ: Giám đốc Văn phòng đại diện ngân hàng TMCP K tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Việt: Ông Ngô Văn Q – Chức vụ: Giám đốc – Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Q: Bà Phạm Thị Ngọc Ng, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 30, Lý Thường K, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Lê Thị Thuý Ng, sinh năm 1981;

Địa chỉ thường trú: Số 53, Tổ 29, Khóm 3, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bùi Thị X. Địa chỉ: Số 39, đường Trần Thị Th, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Võ Trường D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 53, Tổ 29, Khóm 3, Phường B, thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị Phạm Thị Ngọc Ng là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và tại phiên toà nguyên đơn Ngân hàng TMCP Kiên L (có chị Phạm Thị Ngọc Ng là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:**

Chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D có vay vốn tại Ngân hàng TMCP K theo 02 hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HP00148/HĐTD-CC, ngày 10/8/2023 và HP00149/HĐTD – CC, ngày 10/8/2023, cụ thể như như sau:

1. Hợp đồng tín dụng HP00148/HĐTD-CC, ngày 10/8/2023: Hợp đồng này do chị Ng và anh D cùng ký tên.

- Số tiền vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

- Mục đích vay: Mua bán.

- Thời hạn cho vay: 270 ngày.

- Ngày giải ngân: 10/08/2023.

- Lãi suất vay: 17%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất lãi chậm trả: bằng 10%/năm.

- Hình thức trả nợ: trả góp nợ gốc và lãi tiền vay hàng ngày từ ngày 11/08/2023 đến 06/05/2024.

- Tài Sản Cầm cố bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là: Xe máy 2 bánh; Nhãn hiệu PIAGGIO VESPA SPRINT; Biển số đăng ký: 66P2-313.44; Số máy: M82EM5106971; Số khung: RP8M82514MV039066; Màu sơn: Xanh; Chứng nhận đăng ký xe Mô tô, Xe máy số 66 007953 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 19/06/2021 và Xe YAMAHA (NOUVO) Biển số đăng ký: 66P1- 215.04; Số máy: 1DB1-082298; Số khung: RLCN1DB10CY0822946; Màu sơn: Bạc - Tím; Chứng nhận đăng ký xe Mô tô, Xe máy số 007962 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 26/12/2014 ; Do bà Lê Thị Thúy Ng đứng tên chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe cầm cố đang do chị Ng quản lý, sử dụng còn giấy chứng nhận đăng ký xe moto do Ngân hàng TMCP K đang giữ. Khi nào chị Ng và anh D trả xong nợ thì Ngân hàng đồng ý trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe moto cho chị Ng và anh D.

Từ khi vay đến nay chị Ng và anh D đã trả được số tiền gốc là 22.296.296 đồng và tiền lãi là 2.803.836 đồng.

Hiện nay, chị Ng và anh D còn nợ lại số tiền cụ thể là:

+ Nợ gốc: 47.703.704 đồng.

+ Lãi trong hạn (Từ ngày 05/11/2023 đến 06/5/2024) là: 5.998.904 đồng.

+ Lãi quá hạn (Từ 07/5/2024 đến ngày 16/5/2025) là: 4.565.833 đồng.

+ Lãi chậm trả (Từ 07/5/2024 đến 16/5/2025) là: 675.493 đồng.

Tổng gốc và lãi là 58.943.934 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng HP00149/HĐTD – CC, ngày 10/8/2023: Hợp đồng này do chị Ng và anh D cùng ký tên.

- Số tiền vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Mục đích vay: Mua bán.

- Thời hạn cho vay: 270 ngày.

- Ngày giải ngân: 10/08/2023.

- Lãi suất vay: 17%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất lãi chậm trả: bằng 10%/năm.

- Hình thức trả nợ: trả góp nợ gốc và lãi tiền vay hàng ngày từ ngày 11/08/2023 đến 06/05/2024.

- Tài Sản Cầm cố bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là: Tín chấp.

Từ khi vay đến nay chị Ng và anh D đã trả được số tiền gốc là 9.555.556 đồng và tiền lãi là 1.201.644 đồng.

Hiện nay, chị Ng và anh D còn nợ lại số tiền cụ thể là:

+ Nợ gốc: 20.444.444 đồng.

+ Lãi trong hạn (Từ ngày 05/11/2023 đến 06/5/2024) là: 2.570.959 đồng.

+ Lãi quá hạn (Từ 07/5/2024 đến ngày 16/5/2025) là: 1.956.785 đồng.

+ Lãi chậm trả (Từ 07/5/2024 đến 16/5/2025) là: 289.497 đồng.

Tổng gốc và lãi là 25.261.685 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết:

- Yêu cầu chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền của 02 khoản vay là 84.205.619 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/6/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố HP00148/HĐTD-CC ký kết ngày 10/8/2023 giữa Ngân hàng với bà Lê Thị Thuý Ng và ông Trần Võ Trường D là hợp pháp.

Đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố HP00148/HĐTD-CC ký kết ngày 10/8/2023 thì Ngân hàng TMCP K rút lại đối với yêu cầu này.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D là bị đơn nhưng chị Ng và anh D vắng mặt không có lý do. Đồng thời, chị Ng và anh D cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện đối với số tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng và cầm cố tài sản. Bị đơn chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D có địa chỉ tại Số 53, tổ 29, khóm 3, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K yêu cầu chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay là 84.205.619 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HP00148/HĐTD-CC, ngày 10/8/2023 vay số tiền là 70.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán, thời hạn cho vay: 270 ngày, ngày giải ngân: 10/08/2023, lãi suất vay: 17%/năm, lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất lãi chậm trả: bằng 10%/năm, hình thức trả nợ: trả góp nợ gốc và lãi tiền vay hàng ngày từ ngày 11/08/2023 đến 06/05/2024.

Từ khi vay đến nay chị Ng và anh D đã trả được số tiền gốc là 22.296.296

đồng và tiền lãi là 2.803.836 đồng.

Hiện nay, chị Ng và anh D còn nợ lại số tiền cụ thể là: Nợ gốc là 47.703.704 đồng, lãi trong hạn là 5.998.904 đồng, lãi quá hạn là 4.177.015 đồng, lãi chậm trả là 617.969 đồng.Tổng gốc và lãi là 58.497.592 đồng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HP00149/HĐTD – CC, ngày 10/8/2023 vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán, thời hạn cho vay: 270 ngày, ngày giải ngân: 10/08/2023, lãi suất vay: 17%/năm, lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất lãi chậm trả: bằng 10%/năm, hình thức trả nợ: trả góp nợ gốc và lãi tiền vay hàng ngày từ ngày 11/08/2023 đến 06/05/2024, tài Sản Cầm cố bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là: Tín chấp.

Từ khi vay đến nay chị Ng và anh D đã trả được số tiền gốc là 9.555.556 đồng và tiền lãi là 1.201.644 đồng.

Hiện nay, chị Ng và anh D còn nợ lại số tiền cụ thể là: Nợ gốc là 20.444.444 đồng, lãi trong hạn là 2.570.959 đồng, lãi quá hạn là 1.790.149 đồng, lãi chậm trả là 264.844 đồng. Tổng gốc và lãi là 25.070.396 đồng.

Theo như Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HP00148/HĐTD-CC, ngày 10/8/2023 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HP00149/HĐTD – CC, ngày 10/8/2023 do Ngân hàng TMCP K cung cấp thì thể hiện chị Ng và anh D cùng ký tên vào hai hợp đồng nêu trên.

Đồng thời, hợp đồng tín dụng này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng và anh D không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Từ những nhận định nêu trên, Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D liên đới trả số tiền gốc của 02 khoản vay số tiền là 68.148.148 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với lãi suất trong hạn và tiền lãi quá hạn: Ngân hàng TMCP K yêu cầu chị Ng và anh D liên đới trả tiền lãi trong hạn và quá hạn của hai khoản vay từ ngày 06/5/2025 đến ngày 20/6/2025 số tiền là 16.057.471 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HP00148/HĐTD-CC, ngày 10/8/2023 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HP00149/HĐTD – CC, ngày 10/8/2023 thì giữa Ngân hàng TMCP K và chị Ng, anh D có thoả thuận lãi suất quá hạn là 150%/năm và lãi suất chậm trả là 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng TMCP K yêu cầu tính lãi suất quá hạn và chậm trả của 02 khoản vay từ ngày 06/5/2025 đến ngày 20/6/2025 số tiền là 16.057.471 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu Công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố HP00148/HĐTD-CC ký kết ngày 10/8/2023 giữa Ngân hàng với bà Lê Thị Thuý Ng và ông Trần Võ Trường D là hợp pháp.

Nay Ngân hàng TMCP K rút lại đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng TMCP K.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K nên chị Ng và anh D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.210.280 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.346.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003493 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 299, Điều 303, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường liên đới trả số tiền gốc và lãi là 84.205.619 đồng (tám mươi bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn sáu trăm mười chín đồng).

2. Buộc chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi là 84.205.619 đồng (tám mươi bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn sáu trăm mười chín đồng).

3. Đình chỉ đối với yêu cầu Công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố HP00148/HĐTD-CC ký kết ngày 10/8/2023 giữa Ngân hàng với bà Lê Thị Thuý Ng và ông Trần Võ Trường D là hợp pháp.

Kể từ ngày 21/6/2025 chị Ng và anh D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HP00148/HĐTD-CC, ngày 10/8/2023 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HP00149/HĐTD – CC, ngày 10/8/2023 thì lãi suất mà chị Ng và anh D phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thuý Ng và anh Trần Võ Trường D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.210.280 đồng (bốn triệu hai trăm mười nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.346.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003493 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Huế